

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀNG SU PHÌ
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 08/2017/HSST
Ngày 19/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG SU PHÌ, TỈNH HÀ GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Tuấn vĩnh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông: Phạm Văn Thích.
- Ông: Cao Xuân Tú.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vương Thị Minh Khuê - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì tham gia phiên tòa: Ông Lù Minh Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở UBND xã Pồ Lô, huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 06/2017/HSST ngày 04 tháng 8 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2017/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 9 năm 2017 đối với bị cáo:

1. Nguyễn Thành C (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 12-6-1982.

Nơi cư trú: thôn 3 Khu S, xã S, huyện P, tỉnh G; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Nguyễn Quyết S, sinh năm 1958 và bà Đỗ Thị N, sinh năm 1961; Có vợ là Nguyễn Thị M, sinh năm 1983; có 01 con, sinh năm 2009; Tiền án: Không; Tiền sự: Có 01 tiền sự, ngày 05-7-2016 bị Công an huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc.

Bị cáo bị bắt ngày 11-4-2017, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang; Có mặt tại phiên tòa.

2. Người bị hại: Ông Tãi Sào Tr (tên gọi khác: Tãi Seo T1), sinh năm 1965; nơi cư trú thôn L, xã L, huyện P, tỉnh G; Có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Lò Minh T, sinh năm 1984; nơi cư trú thôn T, xã C, huyện M, tỉnh G; Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 09/3/2017 tại tổ 6 thị trấn Vinh Quang, huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang, Nguyễn Thành C, sinh năm 1982, nơi cư trú thôn 3 Khu S, xã S, huyện P hỏi mượn của ông Tải Sào Tr, sinh năm 1965, nơi cư trú thôn L, xã L, huyện P 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave a, màu xanh - đen - bạc, biển kiểm soát 23F1-049.83, để đi trong ngày, với lý do đi công việc riêng, vì ông Tr và C có quen nhau từ trước hơn nửa trước đó C cũng đã nhiều lần mượn xe của ông Tr và đều trả đúng hạn nên ông Tr tin tưởng và đã đồng ý cho C mượn xe. Sau khi mượn được xe ông Tr, đến khoảng 14 giờ cùng ngày C lấy chiếc xe máy mượn của ông Tr đi xã Nàng Đôn để đi tìm mua gỗ Ngọc Am. Khi đến nơi, do không tìm mua được gỗ nên C đi vào xã Trung Thịnh, huyện Xín Mần, rồi ngủ nhờ qua đêm tại Trạm y tế xã Trung Thịnh. Đến sáng hôm sau, ngày 10-3-2017, C tiếp tục đi vào xã Ngán Chiên, huyện Xín Mần, C vào nhà ông Lò Lao C1, sinh năm 1952, nơi cư trú thôn T, xã C, huyện M tham gia đánh bạc cùng Lò Văn C2, Lý Văn D và một số đối tượng khác (*không xác định được tên, tuổi, địa chỉ*) bằng hình thức chơi xóc đĩa, được thua bằng tiền. Đến ngày 11-3-2017, trong quá trình tham gia đánh bạc do bị thua hết tiền nên C đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe máy mượn của ông Tr nên C đã cầm cố chiếc xe trên cho anh Lò Minh T, sinh năm 1984, nơi cư trú thôn T, xã C, huyện M với số tiền là 12.000.000đ (*mười hai triệu đồng*). Sau đó, C tiếp tục tham gia đánh bạc nhưng bị thua hết tiền. Đến khoảng 16 giờ ngày 11-3-2017 thì mọi người giải tán đi về, còn C thuê xe ôm về nhà ở xã S, huyện P.

Sau khi cho C mượn xe máy nhưng không thấy đem trả, ông Tr đã nhiều lần gọi điện thoại cho C để lấy lại chiếc xe nhưng do đã cầm cố chiếc xe để lấy tiền đánh bạc và không còn khả năng để chuộc lại nên C đã nói dối hiện tại đang ở trong xã và hẹn vài ngày nữa sẽ trả lại xe cho ông Tr. Vài ngày sau vẫn không thấy C trả lại xe cho mình, ông Tr có gọi điện thoại cho C nhưng không liên lạc được. Đến ngày 04-4-2017, ông Tr đến Công an huyện Hoàng Su Phì trình báo.

Sau khi được cơ quan Công an thông báo chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave a, màu xanh - đen - bạc, biển kiểm soát 23F1-049.83 là tang vật của vụ án, anh Lò Minh T đã tự nguyện giao nộp để cơ quan Công an giải quyết theo thẩm quyền.

Tại kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự ngày 14-4-2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Hoàng Su Phì đã kết luận: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave a, màu xanh - đen - bạc, biển kiểm soát 23F1-049.83 trị giá 13.650.000 (*mười ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn*) đồng.

Quá trình điều tra xác định chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave a, màu xanh - đen - bạc, biển kiểm soát 23F1-049.83 đăng ký chính chủ mang tên anh Tãi Seo T2; nơi cư trú thôn L, xã L, huyện P, tỉnh G. Anh T2 đã mua xe và cho bố đẻ là Tãi Sào Tr từ tháng 02 năm 2017 cho đến nay. Cơ quan CSĐT Công an huyện Hoàng Su Phì đã ra quyết định xử lý vật chứng, trao trả chiếc xe máy trên cho ông Tãi Sào Tr, ông Tr đã nhận lại xe và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Đối với hành vi nhận cầm xe của Lù Minh T, quá trình cầm cố T không biết chiếc xe bị cáo cầm cố cho T là do phạm tội mà có vì vậy cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự đối với T là có căn cứ pháp luật, T yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền 12.000.000đồng T cho bị cáo vay; hành vi đánh bạc của C cùng một số đối tượng khác tại nhà ông Lù Lao C1, thuộc thôn T, xã C, huyện M, xét thấy các hành vi nêu trên không thuộc thẩm quyền điều tra, xử lý. Ngày 06-6-2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hoàng Su Phì đã có công văn số 37/CV-ĐT chuyển đến Cơ quan Công an huyện Xín Mần cùng toàn bộ tài liệu liên quan để điều tra và xử lý theo thẩm quyền.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thành C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo theo đúng nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Tại bản cáo trạng số 06/KSĐT ngày 03-8-2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì đã truy tố Nguyễn Thành C về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa thấy rằng: Hành vi của bị cáo Nguyễn Thành C đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 140; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt ngày 11-4-2017, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, về dân sự: Buộc bị cáo phải trả cho anh Lù Minh T 12.000.000đồng.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết là sai, vi phạm pháp luật, bị cáo xin hứa không bao giờ tái phạm. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại đã khai báo và xuất trình các tài liệu chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai người bị hại, lời khai người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, lời khai người làm chứng, bản kết luận định giá tài sản cũng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 11 giờ ngày 09-3-2017, tại tổ 6, thị trấn Vinh Quang, huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang, bị cáo Nguyễn Thành C đã có hành vi mượn ông Tải Sào Tr chiếc xe máy Honda Wave a, màu xanh - đen - bạc, biển kiểm soát 23F1-049.83 để đi công việc riêng, sau đó C không trả xe như đã hẹn đến ngày 11-3-2017 bị cáo C đã nảy sinh ý định chiếm đoạt và mang chiếc xe máy trên đi cầm cố cho anh Lù Minh T để vay số tiền 12.000.000đồng tiêu sài cá nhân hết. Trị giá tài sản bị xâm hại là 13.650.000đồng.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thành C có đầy đủ dấu hiệu cấu thành tội: Lạm dụng chiếm đoạt tài sản. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì đã đưa ra các chứng cứ buộc tội và truy tố bị cáo về tội Lạm dụng chiếm đoạt tài sản theo điểm b khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác là khách thể bảo vệ của luật hình sự. Bị cáo có hiểu biết xã hội nhất định nên có thể nhận thức được quyền sở hữu tài sản của người khác là thiêng liêng bất khả xâm phạm, nhưng do lười lao động, mong muốn có tiền để tiêu sài nên đã lợi dụng lòng tin của ông Tr, sau khi mượn được xe máy của ông Tr, bị cáo đã đem đi cầm cố, sau khi cầm cố xe máy được tiền, bị cáo đã đem đi tiêu sài cá nhân hết. Hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra làm mất trật tự trị an tại địa phương, ảnh hưởng xấu đến dư luận quần chúng của nhân dân trên địa bàn huyện Hoàng Su Phì, xâm hại đến chuẩn mực đạo đức xã hội, gây mất lòng tin của bạn bè bị cáo, coi thường quyền sở hữu tài sản của người khác.

[3] Xét tính chất mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo được học hết lớp 9/12, có đủ năng lực hành vi hình sự, có sức khỏe nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện để làm một công dân tốt mà đi vào con đường phạm tội. Bị cáo có nhân thân xấu, có 01 tiền sự: Ngày 05-7-2016 bị Công an huyện Hoàng Su Phì ra quyết định xử lý hành chính về hành vi “Đánh bạc”. Do vậy phải xử lý bị cáo nghiêm khắc bằng chế tài luật hình sự và cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, như vậy mới có đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa C. Tuy nhiên trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản do bị cáo phạm tội đã được thu hồi đầy đủ nguyên vẹn trả lại cho người bị hại, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 BLHS. Vì vậy khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của nhà nước.

[4] Về hình phạt bổ sung như phạt tiền: Hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo có nhiều khó khăn, con bị cáo còn nhỏ, vợ, bố, mẹ bị cáo và bị cáo không có thu nhập ổn định. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt tù và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Do vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

Đối với bị hại là ông Tải Sào Tr: Tài sản mà bị cáo lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của ông Tải Sào Tr là chiếc xe máy Honda Wave a, màu xanh - đen - bạc, biển kiểm soát 23F1-049.83 đã được thu hồi trả lại cho người bị hại, tại phiên tòa ông Tải Sào Tr không yêu cầu gì đối với bị cáo về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lù Minh T: Tại phiên tòa anh T yêu cầu bị cáo phải hoàn trả cho anh số tiền 12.000.000đồng mà anh T đã đưa cho bị cáo khi bị cáo cầm xe cho anh T. Tại phiên tòa bị cáo C chấp nhận yêu cầu của anh T. HĐXX thấy rằng số tiền anh T đưa cho bị cáo C là tài sản hợp pháp của anh T, nên yêu cầu của anh T đối với bị cáo là có cơ sở để chấp nhận, buộc bị cáo C phải bồi thường toàn bộ số tiền 12.000.000đồng cho anh T.

[6] Về vật chứng của vụ án: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave a, màu xanh-đen-bạc, biển kiểm soát 23F1-049.83 (đã qua sử dụng), có giá trị 13.650.000đ, tại giai đoạn điều tra Cơ quan điều tra Công an huyện Hoàng Su Phì đã trả lại cho bị hại là ông Tải Sào Tr, Hội đồng xét xử thấy việc trả lại tài sản cho chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật.

[7] Đối với hành vi nhận cầm cố xe máy của Lù Minh T: Quá trình cầm cố T không biết chiếc xe bị cáo cầm cố cho T là do phạm tội mà có vì vậy cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự đối với T là có căn cứ.

[8] Đối với hành vi đánh bạc của C cùng một số đối tượng khác tại nhà ông Lù Lao C1, thuộc thôn T, xã C, huyện M: Xét thấy các hành vi nêu trên không thuộc thẩm quyền điều tra, xử lý nên ngày 06-6-2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hoàng Su Phì đã có công văn số 37/CV-ĐT chuyển đến Cơ quan Công an huyện Xín Mần cùng toàn bộ tài liệu liên quan để điều tra và xử lý theo thẩm quyền. Do vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[9] Về án phí: Bị cáo còn phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thành C phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

Hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 140; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành C 16 (mười sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 11-4-2017).

Về dân sự: Áp dụng Điều 579, 580 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Nguyễn Thành C phải hoàn trả cho anh Lù Minh T; Nơi cư trú: thôn T, xã C, huyện M, tỉnh G số tiền là 12.000.000 (Mười hai triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền còn phải thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 BLTTHS; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Thành C phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 231 và Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Hoàng Su Phì;
- Công an huyện Hoàng Su Phì;
- PC 81, PV 27 Công an tỉnh Hà Giang;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoàng Su Phì;
- Bị cáo;
- Bị hại, Người có QL&NVLQ;
- Lưu: HS, THA phạt tù.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hà Tuấn Vĩnh